

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
TP. HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **24/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: **29/5/2023**

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Bà Trần Thị Minh**

2. Bà Trần Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: **Ông Trần Hải Minh- thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai**

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tư - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 799/2022/HSST ngày 12/10/2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/5/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Anh Nguyễn Sỹ C-** sinh năm 1983

HKTT và chỗ ở: tòa nhà chung cư T, nhà ở số 79 phố T, phường T, quận H, Hà Nội(có mặt)

- **Bị đơn: Chị Lâm Thị T-** sinh năm 1987

HKTT và chỗ ở: tòa nhà chung cư T, nhà ở số 79 phố T, phường T, quận H, Hà Nội(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Sỹ C trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Lâm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hóa, huyện Hoàng Hóa,

tỉnh Thanh Hóa. Đây là lần kết hôn đầu tiên của hai vợ chồng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng thuê nhà ở Ngọc Lâm, Long Biên, đến năm 2015 thì về sống tại số 79 phố T, phường T, quận H, Hà Nội.

Quá trình chung sống, theo anh C trình bày: vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không có sự chia sẻ cả về công việc lẫn cảm xúc. Hai vợ chồng luôn có khoảng cách lớn, anh đã nhiều lần trao đổi để vợ chồng thay đổi nhưng chị T không thay đổi được. Vợ chồng đã ly thân một thời gian mặc dù ở chung một nhà. Nay anh xác định tình cảm không còn, đề nghị được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh C xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Sỹ Minh Đ, sinh ngày 17/9/2011 và cháu Nguyễn Sỹ Đức M, sinh ngày 08/12/2015. Khi ly hôn, anh muốn nuôi hai cháu. Hiện nay anh làm ở công ty Brother với mức thu nhập khoảng 70 triệu đồng/ tháng. Không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nhà ở chung : Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Anh, chị cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

• **Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là chị Lâm Thị T trình bày:** Chị xác nhận quá trình kết hôn, thời gian chung sống như anh C trình bày. Chị cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất. Bản thân chị cũng đã rất cố gắng để thay đổi phù hợp với chồng. Chị cũng còn yêu thương chồng nhiều, chị không muốn ly hôn vì con cái cần một gia đình có cả bố và mẹ. Về con chung: Chị T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Sỹ Minh Đ, sinh ngày 17/9/2011 và cháu Nguyễn Sỹ Đức M, sinh ngày 08/12/2015. Nếu buộc phải ly hôn, chị muốn nuôi một cháu. Hiện nay chị làm văn phòng, mức thu nhập khoảng 15 triệu đồng/ tháng. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Anh, chị cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn là anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị T. Anh C trình bày: vợ chồng anh không hiểu nhau, không có sự hỗ trợ và đồng cảm với nhau trong cả công việc lẫn chăm sóc con cái, quan hệ vợ chồng cũng

không hòa hợp. Anh ở ngoài công việc ra sao, phải gồng gánh kinh tế như thế nào chị T cũng không biết, không chia sẻ được với anh. Nay anh xác định, tình cảm không còn, khả năng hàn gắn không có, anh đề nghị được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh C xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Sỹ Minh Đ, sinh ngày 17/9/2011 và cháu Nguyễn Sỹ Đức M, sinh ngày 08/12/2015. Khi ly hôn, anh muốn nuôi hai cháu vì chỉ anh mới có thể giáo dục tốt cho các cháu. Hiện nay anh làm ở công ty Brother với mức thu nhập khoảng 70 triệu đồng/ tháng. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị T trình bày: Vợ chồng chị không có mâu thuẫn lớn mà chỉ có những mâu thuẫn nhỏ, chị đã cố tự thay đổi bản thân vì chồng vì gia đình. Bản thân chị luôn xác định anh C là người tốt, có trách nhiệm với gia đình, chị không hiểu vì lý do gì mà anh C lại cương quyết ly hôn với chị. Chị đề nghị Tòa án cho gia đình chị thêm thời gian để chị và anh C nhìn nhận lại mọi vấn đề trong gia đình.

- Về con chung: Chị T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Sỹ Minh Đ, sinh ngày 17/9/2011 và cháu Nguyễn Sỹ Đức M, sinh ngày 08/12/2015. Nếu buộc phải ly hôn, chị cũng muốn nuôi cả hai cháu vì không muốn các cháu phải tách nhau ra. Hiện nay chị làm văn phòng, mức thu nhập khoảng 08 triệu đồng/ tháng. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Anh, chị cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Vụ án để quá thời hạn xét xử. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng ly thân gần 01 năm, đến nay tình cảm đến từ hai phía không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C, cho anh C được ly hôn với chị T; Về con chung: giao cháu Nguyễn Sỹ Minh Đ cho anh C trực tiếp chăm sóc, giao cháu Nguyễn Sỹ Đức M cho chị T trực tiếp chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của hai anh chị cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung và nhà ở chung: tự thỏa thuận, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Sỹ C xin ly hôn với chị Lâm Thị T, chị T đang trú tại địa chỉ: phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Sỹ C và chị Lâm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hóa, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T là hợp pháp.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương và gia đình anh C thể hiện: mâu thuẫn giữa anh C và chị T là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trao đổi, chia sẻ, tìm cách giải quyết ngay, dần dần dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, xa cách nhau. Anh, chị đã ly thân một thời gian. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng anh C vẫn không thay đổi, chứng tỏ tình cảm của anh không còn, khả năng hàn gắn không có. Quá trình giải quyết, chị T và anh C đã có lúc thuận tình ly hôn, tuy nhiên sau đó chị T thay đổi không muốn ly hôn với anh C nhưng không đưa ra được bất cứ lý do thay đổi nào và cũng không lên Tòa án để hòa giải nữa. Chị T không muốn ly hôn nhưng cũng không có bất kỳ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do vậy, căn cứ vào điều 56 luật hôn nhân gia đình thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, cho anh C được ly hôn chị T.

[3] Về con chung: Anh C và chị T cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Sỹ Minh Đ, sinh ngày 17/9/2011 và cháu Nguyễn Sỹ Đức M, sinh ngày 08/12/2015. Khi ly hôn, hai anh chị đều muốn trực tiếp nuôi hai con.

Xét thấy, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đã từng thỏa thuận về vấn đề nuôi con, tuy nhiên, sau đó chị T không lên Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ về điều kiện nuôi con cho Tòa án. Nhận thấy, cháu Minh còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, chị T mặc dù không xuất trình tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nhưng căn cứ vào lời khai của anh C, chị T có việc làm, có thu nhập ổn định nên Tòa án vẫn giao con chung là Nguyễn Sỹ Đức M cho chị T trực tiếp chăm sóc. Giao cháu Nguyễn Sỹ Minh Đ cho anh C trực tiếp chăm sóc. Cấp dưỡng anh chị không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về khoản nợ chung: Anh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,56 và điều 81,82, 83, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điều 28,35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, anh Nguyễn Sỹ C được ly hôn với chị Lâm Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Sỹ Minh Đ, sinh ngày 17/9/2011 cho anh Nguyễn Sỹ C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Giao cháu Nguyễn Sỹ Đức M, sinh ngày 08/12/2015 cho chị Lâm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh, chị cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh C, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không do mình trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: anh C, chị T tự thảo thuận, không đề nghị giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: anh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh C đã nộp tại biên lai số AA/2020/0050673 ngày 11/10/2022 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Anh C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
(Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2011 ngày 15/8/2011);
- Các đương sự
- Lưu HS+ VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc

